TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/DSST
Ngày: 22/04/2026
"V/v: Thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo cam kết"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Trí Lý.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Khánh và bà Nguyễn Thị Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 07, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 tham gia phiên tòa:*

Ông Dương Minh Xuân - Chức danh: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2025/TLST-DS, ngày 25 tháng 02 năm 2025, về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp vốn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2026/QĐXXST-DS, ngày 12/03/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/QĐST-DS, ngày 27 tháng 03 năm 2026. Giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Diệp Thúy P, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số 322/6/8 Ấp 94, xã B, Tp. Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn Q, xã K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Diệp Thúy P trình bày:

Vào tháng 10/2023 bà T có kêu gọi vốn đầu tư với vốn điều lệ là 2.500.000.000vnđ (hai tỷ năm trăm triệu đồng) đế kinh doanh mở quán dê, tên gọi là Dê Cười Quán tại địa chỉ số 38 đường số 1, khu phố 1, phường H, thành phố Thủ Đức. Dựa theo mối quan hệ và sự tin tưởng đối với bà T tôi đã góp vốn 10% cổ phần tức là 250.000.000vnđ (hai trăm năm mươi triệu đồng) theo hình thức chuyển khoản 2 lần:

- Lần 1: ngày 16/10/2023 tôi đã chuyển số tiền là 125.000.000vnđ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) vào số tài khoản:1578888688 ngân hàng Techcombank do bà Nguyễn Thị Thanh Trâm làm chủ tài khoản,

- Lần 2: ngày 31/10/2023 tội đã chuyển số tiền là 125.000.000vnđ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) vào số tài khoản: 1578888688 ngân hàng Techcombank do bà Nguyễn Thị T làm chủ tài khoản.

Trong suốt quá trình hoàn thiện quán, tôi nhận thấy dấu hiệu không minh bạch, rõ ràng về kinh phí xây dựng cơ sở vật chất từ phía bà T nên đã nhiều lần yêu cầu bà T trình bày số liệu thống kê cụ thể nhưng bị bà từ chối.

Theo đó, trong suốt khoảng thời gian quán hoạt động tôi tiếp tục nhận thấy sự không minh bạch, rõ ràng từ phía bà T về chi phí vận hành quán cũng như doanh thu hàng tháng. Sau nhiều lần bị bà T từ chối các yêu cầu kê khai số liệu như trên. Đến ngày 31/3/2024 tôi có đề nghị bà T hoàn trả lại số tiền góp vốn ban đầu theo đúng với thỏa thuận của hợp đồng đã được ký kết giữa chúng tôi, thì đến ngày 25/5/2024 bà T đưa ra phương án giải quyết như sau: Vào ngày 15/8/2024 sẽ hoàn trả lại số tiền 125.000.000vnđ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và ngày 15/9/2024 sẽ hoàn trả số tiền còn lại nhưng mãi cho đến nay, bà T vẫn chưa hoàn trả bất cứ một khoản tiền nào như đã hứa ở trên, hiện tại theo tôi được biết bà T đã cho ngừng hoạt động kinh doanh của quán vào cuối tháng 11/2024, rời khỏi nơi cư trú và mất liên lạc. Theo tôi xét thấy ngay từ ban đầu bà T đã có dấu hiệu không rõ ràng, minh bạch hòng chiếm đoạt số tiền góp vốn của tôi, và không thực hiện đúng theo thỏa thuận ban đầu

Nay tôi yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 250.000.000vnđ (hai trăm năm mươi triệu đồng) theo điều khoản của hợp đồng và theo như những gì bà T đã thỏa thuận với tôi vào ngày 25/05/2024 và lãi suất 20%/ năm tính từ ngày góp vốn (16/10/2023) đến nay. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã thực hiện các thủ tục theo quy định để bị đơn bà Nguyễn Thị T tham gia tố tụng, nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 từ thời điểm thụ lý, giải quyết vụ án cho đến phiên toà sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các chứng cứ trong vụ án, xét thấy việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận

yêu cầu khởi kiện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ vào Điều 280; Điều 504 và điểm a khoản 1 Điều 512 của Bộ luật dân sự. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà Diệp Thúy P 250.000.000đ và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của nguyên đơn, bị đơn, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, thời điểm khởi kiện Tòa án nhân dân khu vực 7 xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng góp vốn được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của đương sự, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, sau khi nhận xác lập giao dịch góp vốn ngày 16/10/2023, thì đến ngày 25/5/2024 các bên thống nhất thỏa thuận chấm dứt hợp đồng góp vốn, đồng thời bị đơn cam kết: Ngày 15/8/2024 trả lại số tiền 125.000.000 đồng và ngày 15/9/2024 sẽ hoàn trả số tiền còn lại cho nguyên đơn. Do đó, cần xác định lại mối quan hệ tranh chấp của vụ án là "Buộc thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo cam kết"

[2]. Về việc vắng mặt của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại Thôn Q, xã K (Cũ: Xã T), tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ của bị đơn được ghi trong hợp đồng góp vốn giữa các bên xác lập ngày 16/10/2023. Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng vắng mặt tại nơi cư trú và cũng không khai báo tạm vắng, không thông báo cho người khởi kiện biết địa chỉ mới. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk tiến hành thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, đồng thời căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung khởi kiện: Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T trả lại 250.000.000 đồng tiền góp vốn.

Xét, các tài liệu là nội dung của 02 chứng từ Ủy nhiệm chi của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Tân Thuận – Phòng giao dịch Nguyễn Hữu Thọ, Công văn số 45/2026/TCBLK, ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) về việc cung cấp thông tin cho Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk về tài khoản của khách hàng Nguyễn Thị T là phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là "Giấy xác nhận vốn góp", nên đã có căn xác định: Vào ngày 16/10/2023, nguyên đơn bà Diệp Thúy P có góp 10% vốn

vào Cơ sở kinh doanh Dê Cười Quán do bị đơn bà Nguyễn Thị T làm chủ, tương đương với số tiền 250.000.000đ. Sau khi ký thỏa thuận, ngày 16/10/2023 bà P chuyển lần 1 vào tài khoản số 1578888688, Ngân hàng Techcombank cho bà T số tiền 125.000.000 đồng; ngày 31/10/2023 bà P tiếp tục chuyển 125.000.000 đồng cho bà T. Theo nội dung thỏa thuận giữa các bên trong thời gian 08 tháng nếu kinh doanh không đạt lợi nhuận như các bên thỏa thuận bà T sẽ trả lại tiền vốn góp cho bà P. Ngày 25/5/2024 các bên thống nhất thỏa thuận: Ngày 15/8/2024 sẽ hoàn trả lại số tiền 125.000.000vnđ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và ngày 15/9/2024 sẽ hoàn trả số tiền còn lại. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại việc kinh doanh không đạt hiệu quả như ban đầu nhưng bà T chưa trả lại vốn góp cho bà P là vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Do đó, nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả lại số tiền 250.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Về yêu cầu tính lãi suất: Đối với yêu cầu buộc bị đơn có trách nhiệm chịu lãi suất chậm trả 20%/năm tính từ ngày 16/10/2023 đến ngày 22/04/2026 với số tiền 125.838.356 đồng. Xét theo thỏa thuận ngày 25/5/2024 các bên thống nhất thỏa thuận: Ngày 15/8/2024 sẽ hoàn trả lại số tiền 125.000.000vnđ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và ngày 15/9/2024 sẽ hoàn trả số tiền còn lại, nhưng chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính thời điểm bắt đầu trả lãi chậm trả từ ngày 16/10/2023 khi bị đơn chưa vi phạm nghĩa vụ trả, đồng thời hiện nay pháp luật quy định mức lãi suất chậm trả là 10%/năm, nhưng yêu cầu tính lãi suất chậm trả 20%/năm của nguyên đơn là cao hơn so với quy định của pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp với thỏa thuận giữa các bên và phù hợp với quy định về mức lãi suất chậm trả theo Điều 468 của Bộ luật dân sự, nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tính lãi. Cụ thể Lãi suất chậm trả được tính như sau:

- Từ ngày 15/08/2024 đến ngày 22/04/2026: 125.000.000 đồng x 612 ngày x 10%/năm = 20.958904 đồng.

- Từ ngày 15/09/2024 đến ngày 22/04/2026: 125.000.000đ x 582 ngày x 10%/năm = 19.931.506 đồng.

Tổng tiền lãi bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 40.890.410 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: Căn cứ khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 192, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 280, 468, 469, 504 và 512 của Bộ luật Dân sự.

- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Diệp Thúy P.

Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Diệp Thúy P 250.000.000 đồng (Hai trăm năm triệu đồng) tiền vốn góp và 40.890.410 đồng (Bốn mươi triệu, tám trăm chín mươi nghìn, bốn trăm mười đồng) lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Bà Nguyễn Thị T phải nộp 14.544.520 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo cách tính: (250.000.000đ + 40.890.410đ) x 5%.

Bà Diệp Thúy P phải nộp 4.247.397 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần bị bác yêu cầu, theo cách tính: (125.838.356 - 40.890.410đ) x 5%. Được khấu trừ vào số tiền 7.850.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2023/0000991, ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Hoàn trả lại cho bà Diệp Thúy P 3.602.603 đồng theo biên lai thu nêu trên.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND Khu vực 7
- Phòng THADS khu vực 7 - Đắk Lắk;

- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

Hoàng Trí Lý